TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12-12-2017.

V/v Ly hôn giữa chị Mùi Thị M và anh Nguyễn Trường G

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng;
Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đào Minh Sở.
2. Ông Mùa A Vàng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Viên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Thiều, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2017/TLST – HNGĐ, ngày 03/11/2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐST – HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Mùi Thị M, cư trú tại: Bản C, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị đơn: Nguyễn Trường G, cư trú tại: Bản C, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La. Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: TK5, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/10/2017, bản tự khai ngày 03/11/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Mùi Thị M trình bày: Chị M và anh Nguyễn Trường G tìm hiểu và kết hôn với nhau ngày 12/9/2014 tại UBND xã C trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Anh, chị chung sống tại bản C, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có con thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống, anh Nguyễn Trường G thường xuyên đi làm ăn xa, không quan tâm chăm sóc, vun vén hạnh phúc gia đình, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, chị Mùi Thị M yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trường G; Trong quá trình chung sống anh chị chưa có con chung, hiện tại chị Mùi Thị M không có thai; Về tài sản chung, vay nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn đề nghị ngày 10/10/2017 anh Nguyễn Trường G trình bày: Anh và chị Mùi Thị M đã đăng ký kết hôn từ tháng 09 năm 2014 tại UBND xã C, về chung sống với nhau một thời gian nhưng không có con chung và công việc làm ăn mỗi người một nơi, vợ chồng thường xuyên cãi vã, vì vậy anh Nguyễn Trường G nhất trí theo nguyện vọng của chị M là ly hôn. Về con chung, tài sản chung, riêng, vay nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do công việc làm ăn xa nên anh Nguyễn Trường G xin giải quyết vắng mặt và anh chị tự thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân huyện B giải quyết việc ly hôn của anh chị.

Tại Biên bản làm việc ngày 09/5/2017 của Ban quản lý TK 5, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La nơi đăng ký thường trú của anh G. Ban quản lý đã nhiều lần mời anh G lên giải quyết hòa giải, nhưng anh G từ chối vì đơn ly hôn đã gửi yêu cầu Tòa án huyện B giải quyết.

Ngày 16/11/2017 Tòa án đã tiến hành xác minh tại nơi cư trú của vợ chồng chị M anh G tại bản C, xã C, chính quyền cơ sở cho biết: Chị M với anh G kết hôn về sống tại bản C, xã C. Trong quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không hợp, anh chị đã sống ly thân từ tháng 10/2016 đến nay. Ngoài mâu thuẫn trên không còn nguyên nhân nào khác. Anh, chị không vay nợ ai.

Tranh tụng tại phiên tòa, chị Mùi Thị M giữ nguyên ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm và không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về Việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Xử cho chị Mùi Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Chị Mùi Thị M có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Trường G. Bị đơn anh Nguyễn Trường G nhất trí và có đơn đề nghị vì lý do công việc đi làm ăn xa nên anh G xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B. Tòa án mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hôn nhân: Chị Mùi Thị M và anh Nguyễn Trường G đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã C ngày 12/9/2014 như vậy hôn nhân là hợp pháp. Cuộc sống chung của chị M, anh G hạnh phúc đến tháng 10 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh G và chị M thường xuyên cãi nhau do không có con chung, anh Nguyễn Trường G thường xuyên đi làm ăn xa không quan tâm vun vén hạnh phúc gia đình, tình cảm vợ

chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị M xin ly hôn. Lời trình bày của chị M, anh G phù hợp với biên bản xác minh tại nơi cư trú của hai vợ chồng. Vì vậy căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Mùi Thị M ly hôn với anh Nguyễn Trường G là phù hợp .

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Mùi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1, điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mùi Thị M ly hôn với anh Nguyễn Trường G.

2. Về con chung, tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Buộc chị Mùi Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự chị M đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 02919, ngày 03/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Chị Mùi Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Trường G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã C;
- Các đương sự;
- Lưu;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Văn Tùng